

Số: 100/2020/QĐST-HNGĐ

*Thanh Thủy, ngày 28 tháng 9 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 10 xã T, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 13 xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trần Văn V.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị C anh V xác nhận có 03 con chung là cháu Trần Thị Xuân M, sinh ngày 2x/8/2006; cháu Trần Văn L, sinh ngày 1x/8/2012; và cháu Nguyễn Mai Ngọc T, sinh ngày 2x/3/2017. Cháu Nguyễn Mai Ngọc T do anh chị tự nguyện thoả thuận để cháu mang họ Nguyễn của chị C. Chị C anh V thoả thuận:

Chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là các cháu Trần Thị Xuân M, Trần Văn L và Nguyễn Mai Ngọc T kể từ ngày 28/9/2020 cho tới khi cháu M, cháu L, cháu T thành niên. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Văn L định kỳ từng tháng, mỗi tháng 500.000đ/1 tháng kể từ tháng 10/2020 cho tới khi cháu L thành niên

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật chị C có đơn yêu cầu thi hành án, anh V không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.*

- Về tài sản chung, về công nợ chung, cho vay và các vấn đề khác: Chị C và anh V không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000604 ngày 11/9/2020 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- THA Dân sự huyện Thanh Thủy
- UBND xã H (Nơi đăng ký KH)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Khánh Vinh**